

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 02 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Kiên Nhân.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1973; cư trú tại ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1983; nơi cư trú Ấp 10, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:*

- Về hôn nhân: Qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình, bà và ông Nguyễn Minh C tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 23/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do tính tình không hòa hợp nên trong thời gian 01 tháng chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Đến cuối tháng 12/2020, ông C bỏ về nhà cha mẹ ruột ông Chiến, địa chỉ Ấp 10, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long vợ chồng sống ly thân cho

đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không có, bà không yêu cầu giải Tòa án quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Minh C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

#### **- Về tố tụng:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] *Về thủ tục xét xử:* Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông C theo thủ tục chung.

#### **- Về nội dung:**

[1] *Về hôn nhân:* Bà M và ông C là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân tính không hòa hợp, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, không hạnh phúc. Bà M và ông C có thời gian dài sống ly thân từ cuối tháng 12/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà M. Căn cứ vào lời trình bày của bà M và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa bà M và ông C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà M và ông C.

[2] *Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Không có, bà M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm***: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết bà M phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Minh C.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Ngọc M phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số N 0011082 ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Nguyễn Ngọc M, vắng mặt ông Nguyễn Minh C. Báo cho bà M có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông C vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã L, huyện T: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Cao Minh Tân**